

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22807701] - Tự động hóa công
nghiệp (CCQ2215A)

CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 17...

Số bài thi: 17...

Số tờ giấy thi: 17...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A		Bằng	7.1	6.0	6.4
2	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		Bảo	8.3	9.0	8.7
3	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	08/10/2004	CCQ2215A		Duy	8.0	9.0	8.6
4	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A		Giáp	7.2	6.0	6.5
5	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	08/01/2004	CCQ2215A		Hoài	8.1	9.0	8.6
6	2122150036	Nguyễn Khắc Nam	Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A					
7	2122150021	Hoàng Văn	Huân	06/06/2004	CCQ2215A		Huân	7.1	8.0	7.6
8	2122150018	Đình Văn	Huy	27/02/2004	CCQ2215A		Huy	7.4	7.0	7.2
9	2122150043	Già Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		Huyền	8.6	9.0	8.8
10	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		Khôi	7.5	7.5	7.5
11	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	12/04/2004	CCQ2215A		Lý	8.3	7.5	7.8
12	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A		Lý	7.7	7.0	7.3
13	2122150022	Nguyễn Đức	Mạnh	01/03/2004	CCQ2215A					
14	2122150094	Vũ Văn	Minh	20/08/2004	CCQ2215A					
15	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D		Huỳnh	8.1	8.5	8.3
16	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D		Trọng	8.3	9.0	8.7
17	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	Toàn	02/09/2004	CCQ2215D					
18	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D		Tri	8.1	9.0	8.6
19	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D		Thanh	8.2	7.5	7.8
20	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D		Đức	8.0	7.0	7.4
21	2120150055	Trần Văn	Vàng	29/05/2002	CCQ2015B		Vàng	6.7	6.0	6.3